

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG BỐI CẢNH THI HÀNH LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2024 TẠI VIỆT NAM

● DOÃN HỒNG NHUNG¹ - NGUYỄN MINH QUÂN²

¹Trường Đại học Luật, VNU-UL

²Sinh viên K16, Trường Đại học Luật, VNU-UL

TÓM TẮT:

Nghiên cứu tập trung phân tích cơ sở lý luận, quá trình phát triển pháp luật về đất tôn giáo, đồng thời so sánh các quy định của Luật Đất đai năm 2013 với năm 2024. Bài viết đánh giá thực tiễn áp dụng, chỉ ra những vướng mắc như tranh chấp nguồn gốc đất tôn giáo, khó khăn trong công nhận quyền sử dụng đất và sự thiếu thống nhất trong thực thi ở nhiều địa phương do phụ thuộc vào hương ước, lệ làng, phong tục tập quán ở địa phương. Từ những nghiên cứu, đánh giá, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng minh bạch, đồng bộ và bảo đảm hài hòa giữa quản lý nhà nước và quyền tự do tôn giáo trong quá trình sử dụng đất tôn giáo ở đồng bằng sông Hồng của Việt Nam.

Từ khóa: đất tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, Luật Đất đai năm 2024, đồng bằng Sông Hồng.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đất đai là tài nguyên đặc biệt thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý¹. Dưới góc độ quyền con người, đất đai dành cho tôn giáo là không gian hiện thực hóa quyền tự do tín ngưỡng, nơi lưu giữ các giá trị văn hóa, tinh thần và bản sắc cộng đồng với hơn 29.600 cơ sở thờ tự trên cả nước².

Tính đặc thù của đất tôn giáo nằm ở sự giao thoa giữa quản lý tài nguyên và bảo đảm quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định³. Thực tiễn quản lý loại đất này vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức phức tạp. Việc xác định nguồn gốc đất đối với các cơ sở có lịch sử hình thành lâu đời thường gặp khó khăn do thiếu hụt hồ sơ pháp lý, dẫn đến các

tranh chấp, lấn chiếm kéo dài chưa được giải quyết triệt để.

Khung pháp lý hiện hành vẫn bộc lộ những bất cập, điển hình là sự thiếu thống nhất trong việc phân định khái niệm giữa “đất tôn giáo” và “đất cơ sở tín ngưỡng” dù 2 loại hình này có sự khác biệt rõ rệt về chủ thể và chế độ sử dụng⁴. Những khoảng trống về quy định công nhận quyền sử dụng đất có yếu tố lịch sử đã gây ra tình trạng áp dụng không đồng bộ giữa các địa phương. Luật Đất đai năm 2024 thực thi trên phạm vi cả nước, việc nghiên cứu hệ thống nhằm làm rõ các đặc điểm pháp lý và tháo gỡ thực trạng vướng mắc là yêu cầu có tính cấp thiết, tính thời sự và ý nghĩa khoa học để bảo đảm quyền tự do tôn giáo, sự ổn định chính trị - xã hội ở Việt Nam.

2. Một số vấn đề lý luận cơ bản về đất tôn giáo

2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của chế định đất tôn giáo

Tiến trình phát triển của pháp luật về đất tôn giáo tại Việt Nam ghi nhận sự chuyển dịch rõ rệt về tư duy quản lý qua các thời kỳ. Ở giai đoạn trước năm 2013, các quy định còn phân tán và chủ yếu lồng ghép trong văn bản quản lý đất đai chung⁵. Đất tôn giáo lúc bấy giờ được tiếp cận dưới góc độ quản lý tài sản công (đất của vua, chùa của làng hay lệ làng phép nước) và duy trì trật tự xã hội thay vì là một loại đất có chế độ pháp lý riêng biệt⁶. Do tư duy hành chính tập trung vào kiểm soát, quyền sử dụng đất của các tổ chức tôn giáo chưa được thừa nhận là một quyền pháp lý độc lập, dẫn đến việc sử dụng đất phần lớn dựa trên yếu tố lịch sử hoặc quyết định hành chính mang tính vụ việc⁷. Chính sự thiếu hụt cơ chế xác lập chính thức và các chính sách kiểm soát pháp luật xây dựng chặt chẽ đã tạo rào cản cho sự phát triển của các cơ sở tôn giáo, đồng thời làm phát sinh nhiều tranh chấp phức tạp, kéo dài...

Trong Luật Đất đai năm 2013 và sau này tại Luật Đất đai năm 2024 đã đánh dấu bước chuyển quan trọng từ “quản lý hành chính” sang “công nhận và bảo đảm quyền lợi”. Luật Đất đai năm 2013 lần đầu quy định cụ thể đất cơ sở tôn giáo là loại đất riêng biệt, xác lập cơ chế giao đất không thu tiền sử dụng và công nhận quyền sử dụng ổn định lâu dài⁸. Luật Đất đai năm 2024 đã kế thừa và mở rộng phạm vi điều chỉnh với thuật ngữ “đất tôn giáo” và cụ thể hóa các quy định về công nhận quyền sử dụng đất nhằm tháo gỡ các vướng mắc thực tiễn⁹. Những bước tiến lớn trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất được thể hiện trong các quy định mới, song các vấn đề mang tính lịch sử liên quan đến nguồn gốc đất và tranh chấp kéo dài vẫn chưa được giải quyết triệt để, đòi hỏi các quy phạm pháp luật phải có tính dự báo, dự đoán và hoàn thiện đồng bộ hơn trong tương lai¹⁰.

2.2. Các khái niệm pháp lý cơ bản về đất tôn giáo và cơ sở tôn giáo

2.2.1. Khái niệm đất cơ sở tôn giáo

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, “đất cơ sở tôn

giáo” được xác định là loại đất phục vụ các công trình hoạt động tôn giáo như chùa, nhà thờ, thánh thất, tu viện và các cơ sở tương đương¹¹. Về chủ thể, loại đất này thuộc quyền sử dụng của các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận hoặc cấp phép hoạt động hợp pháp. Đây là nhóm chủ thể đặc biệt có địa vị pháp lý riêng biệt, sử dụng đất vào mục đích thờ tự, tâm linh và sinh hoạt tinh thần, không nhằm mục tiêu kinh doanh hay sinh lợi¹².

Đất cơ sở tôn giáo được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng ổn định lâu dài. Để bảo đảm yêu cầu quản lý đối với loại đất đặc thù này, pháp luật đất đai đặt ra những quy định hạn chế nghiêm ngặt về việc chuyển nhượng, thế chấp hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với các loại đất thông thường¹³. Sự điều chỉnh này phản ánh nỗ lực cân bằng giữa việc bảo hộ quyền tự do tôn giáo và duy trì trật tự quản lý tài nguyên quốc gia hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

2.2.2. Khái niệm và đặc điểm đất tôn giáo

Trong Điều 213 Luật Đất đai năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng “Đất tôn giáo” có thể được tiếp cận theo 2 cách hiểu khác nhau. *Một là*, đất tôn giáo đồng nhất với đất cơ sở tôn giáo, tức là chỉ bao gồm diện tích đất được sử dụng trực tiếp cho các công trình thờ tự. *Hai là*, đất tôn giáo còn bao gồm cả các loại đất phục vụ gián tiếp cho hoạt động tôn giáo như đất xây dựng cơ sở đào tạo, cơ sở từ thiện hoặc các công trình phụ trợ khác¹⁴.

Việc phân biệt các thuật ngữ liên quan đến đất tôn giáo, đất cơ sở tôn giáo, đất thờ tự tâm linh, đất thờ cúng... chưa được hiểu một cách minh bạch rõ ràng. Sự sử dụng thuật ngữ này không chỉ gây lúng túng trong quản lý nhà nước mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các tổ chức tôn giáo khi thực hiện các thủ tục pháp lý.

2.2.3. So sánh đất tôn giáo, tín ngưỡng với các loại đất khác

Đất tín ngưỡng, đất tôn giáo có sự khác biệt cơ bản về chủ thể và mục đích sử dụng. Đất tín ngưỡng thường gắn với cộng đồng dân cư và các hình thức tín ngưỡng dân gian như đình, đền, miếu, trong khi đất tôn giáo thuộc quyền sử dụng của các tổ chức

tôn giáo có hệ thống giáo lý, tổ chức và cơ cấu hoạt động rõ ràng¹⁵. Sự khác biệt này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chế độ pháp lý và thẩm quyền quản lý.

Trong khi đó, so với đất nghĩa trang, nghĩa địa, đất tôn giáo lại khác biệt hoàn toàn về mục đích sử dụng và bản chất pháp lý. Nếu đất nghĩa trang, nghĩa địa chủ yếu phục vụ nhu cầu mai táng và gắn với yếu tố quản lý dân cư, thì đất tôn giáo phục vụ hoạt động tinh thần, tín ngưỡng và mang ý nghĩa văn hóa - xã hội sâu sắc. Do đó, việc áp dụng cùng một cơ chế quản lý đối với các loại đất này là không phù hợp¹⁶.

2.3. Vai trò của đất tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Hồng của Việt Nam

Vùng đồng bằng sông Hồng có nhiều di sản, danh lam thắng cảnh và hàng nghìn di tích lịch sử, văn hóa trong đó thể hiện văn hóa tâm linh, tín ngưỡng. Sự phát triển kinh tế gắn với văn hóa, xã hội, đất tôn giáo trở thành những địa chỉ mà người dân thường lui đến, thể hiện ý nguyện tâm linh gắn liền với nền văn minh lúa nước ở đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh đó, hệ thống di tích lịch sử, văn hóa với hàng ngàn đình, đền, chùa, miếu mạo cùng kho tàng kiến trúc, mỹ thuật độc đáo như chùa Hương, chùa Một Cột, chùa Tây Phương (Hà Nội), chùa Bút Tháp, đền Đô (Bắc Ninh), chùa Keo (Thái Bình), chùa Cổ Lễ (Nam Định), chùa Bái Đính, cố đô Hoa Lư (Ninh Bình)... Đây cũng là quê hương của nhiều lễ hội truyền thống điển hình như lễ hội đền Trần, hội Gióng, hội Lim, lễ hội chùa Hương... cùng nhiều loại hình nghệ thuật đặc sắc như chèo, quan họ, hát văn, tuồng, múa rối nước...¹⁷

Đất tôn giáo không chỉ đơn thuần là tài nguyên mà còn là một thiết chế pháp lý - xã hội đặc thù, đóng vai trò đa chiều trong hệ thống pháp luật và đời sống tín ngưỡng tâm linh.

Thứ nhất, về mặt pháp lý, việc Nhà nước công nhận và bảo vệ quyền sử dụng đất của các tổ chức tôn giáo chính là sự cụ thể hóa các cam kết về quyền con người, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo tinh thần Hiến định¹⁸.

Thứ hai, về văn hóa - xã hội, loại đất này tạo ra

không gian vật chất để bảo tồn các di sản kiến trúc và giá trị tinh thần, đóng vai trò hạt nhân trong việc duy trì bản sắc dân tộc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân¹⁹.

Thứ ba, dưới góc độ quản trị, cơ chế quản lý đất tôn giáo minh bạch, hiệu quả là công cụ then chốt để giảm thiểu các xung đột, tranh chấp, từ đó nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và đảm bảo sự ổn định chính trị - xã hội bền vững²⁰. Như vậy, đất tôn giáo chính là nhịp cầu kết nối giữa chính sách tài nguyên và yêu cầu phát triển đời sống tinh thần tín ngưỡng, tâm linh trong bối cảnh hiện nay ở vùng đồng bằng sông Hồng.

2.4. Đánh giá thực trạng sử dụng đất tôn giáo ở đồng bằng sông Hồng

Thứ nhất, về kết quả đạt được, công tác công nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo đã có những bước tiến đáng kể, thể hiện qua số lượng giấy chứng nhận được cấp ngày càng tăng, tạo nền tảng pháp lý cho các tổ chức hoạt động ổn định. Khung pháp lý, đã dịch chuyển theo hướng minh bạch và cụ thể hóa các trình tự, thủ tục hành chính²¹.

Thứ hai, về những hạn chế và bất cập, thực tiễn vẫn tồn tại rào cản lớn trong việc xác minh nguồn gốc đất đối với các cơ sở có lịch sử hình thành phức tạp nhưng thiếu hụt hồ sơ, chứng cứ pháp lý. Điều này dẫn đến tình trạng tranh chấp kéo dài và sự thiếu đồng bộ trong việc áp dụng pháp luật giữa các địa phương, gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý lẫn chủ thể sử dụng đất.

Thứ ba, những tồn tại nêu trên bắt nguồn từ sự đan xen giữa các yếu tố lịch sử để lại và những lỗ hổng trong hệ thống pháp luật cũ. Sự thiếu tương thích giữa Luật Đất đai và các luật chuyên ngành khác như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở... đã tạo ra “khoảng cách” lớn, khiến việc thực thi chính sách tại chính quyền cấp cơ sở đôi khi còn lúng túng và chưa hiệu quả²².

Thứ tư, việc tháo gỡ các nút thắt trong công nhận quyền sử dụng đất tôn giáo không chỉ đơn thuần là giải quyết thủ tục hành chính, mà còn là giải pháp căn cơ để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các tổ chức tôn giáo. Việc chuẩn hóa quản lý loại đất này nhằm hạn

chế nguy cơ tranh chấp, củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống pháp luật và bảo đảm sự ổn định trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới²³.

Thứ năm, các quy phạm pháp luật về đất tôn giáo cần phải tăng tính hài hòa hóa pháp luật. Đây là yếu tố quan trọng đảm bảo trật tự an toàn xã hội hướng đến phát triển bền vững quốc gia. Hài hòa pháp luật là việc làm có ý nghĩa khoa học có tính cấp thiết trong kỷ nguyên mới ở Việt Nam.

3. Kết luận

Đất tôn giáo là một thiết chế pháp lý đặc thù, không chỉ là tài nguyên mà còn là không gian hiện thực hóa quyền tự do tín ngưỡng và bảo tồn các giá trị văn hóa - tinh thần. Sự chuyển dịch tư duy lập pháp trong Luật Đất đai năm 2024 từ “quản lý hành chính” sang “bảo đảm quyền lợi hợp pháp” cho tổ chức tôn giáo là bước tiến tích cực, góp phần củng cố niềm tin của xã hội và ổn định trật tự chính trị, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo.

Thực tiễn vẫn tồn tại những rào cản mang tính lịch

sử, đặc biệt là các vướng mắc trong xác định nguồn gốc đất và sự thiếu thống nhất khi áp dụng các quy phạm pháp luật giữa các chính quyền địa phương 2 cấp. Các diện tích đất tôn giáo, tín ngưỡng ở các địa phương chịu sự tác động mạnh mẽ của hệ thống chính quyền phân cấp. Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch, đồng bộ, đồng thời nâng cao năng lực thực thi, cơ chế phối hợp liên ngành và nâng cao trách nhiệm giải trình nhằm triệt tiêu các nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến tranh chấp kéo dài gây hậu quả không tốt đến đoàn kết, hữu hảo, “tốt đời đẹp đạo” trong cộng đồng người dân Việt Nam. Nghiên cứu chuyên sâu về đất tôn giáo cần được mở rộng theo hướng hội nhập quốc tế và đánh giá tác động thực tế của Luật Đất đai năm 2024. Việc xây dựng các giải pháp chính sách dài hạn, hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu sinh hoạt tâm linh của nhân dân chính là chìa khóa để hoàn thiện chế độ pháp lý này trong bối cảnh phát triển mới trong thời đại mới ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Điều 53.

²Ban Tôn giáo Chính phủ - Bộ Nội vụ (2024). Việt Nam có trên 29.600 cơ sở thờ tự tôn giáo và khoảng trên 54.000 cơ sở tín ngưỡng. Truy cập tại <https://moha.gov.vn/tin-tuc/chu-tich-nuoc-to-lam-cac-to-chuc-ton-giao-luon-don---oid56124>.

³Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp năm 2013, Điều 24; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016.

⁴Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai năm 2013, Điều 159; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), Luật Đất đai năm 2024, Điều 212, 213.

⁵Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1993), Luật Đất đai năm 1993, Điều 54; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Luật Đất đai năm 2003, Điều 9, Điều 99.

⁶Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/07/1991.

⁷Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004). Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, Điều 29; Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005). Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/03/2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo.

⁸Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai năm 2013, Điều 159.

⁹Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 212, 213.

- ¹⁰Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, Mục 2.5.
- ¹¹Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai năm 2013, Điều 159.
- ¹²Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016, Điều 30.
- ¹³Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai năm 2013, Khoản 2 Điều 181.
- ¹⁴Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 213.
- ¹⁵Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Khoản 5, Khoản 12 Điều 2; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 213.
- ¹⁶Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 213, Điều 214.
- ¹⁷Bùi Đức Triệu, Nguyễn Thị Hồng Vân (2024). Phát huy giá trị kinh tế di sản vùng đồng bằng sông Hồng. Truy cập tại https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1031102/view_content.
- ¹⁸Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp năm 2013, Điều 24.
- ¹⁹Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.
- ²⁰Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 235, Điều 236; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016, Điều 54, Điều 55.
- ²¹Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Báo cáo số 85/BC-BTNMT ngày 03/08/2022 đánh giá tình hình thi hành Luật Đất đai 2013 và định hướng sửa đổi Luật Đất đai, tr.13.
- ²²Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất.
- ²³Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, Phần I, Mục 2; Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Đất đai năm 2024, Điều 235, Điều 236.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ban Tôn giáo Chính phủ (2021). Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2012). Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2022). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao, Hà Nội.
- Bộ Tư pháp và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2024). Tài liệu giới thiệu những điểm mới của Luật Đất đai năm 2024, Hà Nội.
- Bùi Đức Triệu, Nguyễn Thị Hồng Vân (2024). Phát huy giá trị kinh tế di sản vùng đồng bằng sông Hồng. Tạp chí Công sản, truy cập tại https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1031102/view_content.
- Doãn Hồng Nhung (Chủ biên) (2014). Kỹ năng áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp đất đai ở Việt Nam (Sách chuyên khảo). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Lê Thị Liên (2025). Xung đột và giải quyết xung đột liên quan đến tôn giáo ở một số nước Đông Nam Á và hàm ý cho Việt Nam. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Minh Quân, Doãn Hồng Nhung (2026). Báo cáo Nghiên cứu khoa học sinh viên, Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Pháp luật về đất cơ sở tôn giáo và thực tiễn áp dụng trong bối cảnh thi hành Luật Đất đai năm 2024, Hà Nội.

Nguyễn Thị Quế Anh (Chủ biên), Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng (2020). Pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo (Giáo trình sau đại học), Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Nxb. Hồng Đức.

W. Cole Durham Jr., Brett G. Scharffs (2014). Luật pháp và tôn giáo: Tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 10/03/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/04/2026

RELIGIOUS LAND USE IN THE RED RIVER DELTA, VIETNAM: LEGAL PERSPECTIVES IN THE CONTEXT OF IMPLEMENTING THE 2024 LAW ON LAND

● **DOAN HONG NHUNG¹**

● **NGUYEN MINH QUAN²**

¹University of Law, Vietnam National University - Hanoi

²Student, the University of Law, Vietnam National University - Hanoi

ABSTRACT:

This study examines the theoretical foundations and evolutionary development of legal regulations governing religious land, with particular emphasis on a comparative analysis of the 2013 and 2024 Land Laws of Vietnam. The study evaluates the practical implementation of these regulations, highlighting persistent challenges such as disputes over the origin and ownership of religious land, difficulties in the recognition of land use rights, and inconsistencies in enforcement across localities arising from the influence of local customs, traditions, and social practices. Focusing on the Red River Delta region, the study identifies significant gaps in the existing legal framework that hinder effective land administration and the protection of legitimate religious interests. The findings indicate that the current regulatory system requires greater legal clarity, institutional consistency, and more effective coordination between state management objectives and the protection of religious freedom. On this basis, the study proposes legal and policy orientations aimed at enhancing transparency, consistency, and harmony in the governance and use of religious land in Vietnam.

Keywords: religious land, freedom of belief, 2024 Land Law, Red River Delta.